TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01/2018/QĐ-PT	*Quảng Trị, ngày 11 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Đinh Viết Nam.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Tân;

Ông Nguyễn Cường.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2017/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ đã căn cứ vào các Điều 48, điểm e khoản 1 Điều 217, Điều 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại về việc *"Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản"* giữa:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần A;

Địa chỉ: Số 69 T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

- Bị đơn: Công ty TNHH M

Địa chỉ: KmX, Quốc lộ Y, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 10/10/2017, Công ty cổ phần A *(sau đây gọi tắt là Công ty A)* kháng cáo toàn bộ quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 05/2017/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C với lý do:

- Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự với nội dung *"người khởi kiện có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định…"* là không đúng, vì trong vụ án này Công ty A không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu.

- Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng nguyên đơn đã hết thời hiệu khởi kiện là không đúng, vì thời điểm quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty A bị xâm phạm là ngày 13/5/2015 – ngày TAND thành phố Đ xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại về việc *"tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* giữa nguyên đơn Công ty TNHH M *(sau đây gọi tắt là Công ty M)* với bị đơn Công ty cổ phần A.

XÉT THẤY:

[1] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự với nội dung *"**Người khởi kiện** có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án,*

quyết định…" là không đúng, vì trong vụ án này Công ty cổ phần A không yêu cầu áp dụng thời hiệu. Hội đồng phúc thẩm thấy rằng:

Điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định*: "**Đương sự** có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định…"*. Trường hợp này Công ty M là đương sự trong vụ án (bị đơn) có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định tại điều khoản trên là phù hợp, tuy nhiên trong Quyết định đình chỉ lại bị nhầm lẫn khi trích dẫn nội dung điều luật. Tòa án sơ thẩm cũng đã ban hành Quyết định sửa chữa quyết định đình chỉ giải quyết vụ án và đã tống đạt hợp lệ cho Công ty cổ phần A. Do đó nội dung kháng cáo này của nguyên đơn là không có cơ sở.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định trong vụ án này nguyên đơn đã hết thời hiệu khởi kiện là không đúng. Hội đồng phúc thẩm thấy rằng:

- Về căn cứ xác định thời hiệu khởi kiện:

Công ty cổ phần A khởi kiện Công ty TNHH M về *"tranh chấp hợp đồng thuê tài sản"*. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa hai pháp nhân có đăng ký kinh doanh, do đó thời hiệu khởi kiện được xác định theo quy định của pháp luật thương mại.

Điều 319 Luật thương mại quy định: *"Thời hiệu khởi kiện áp dụng đối với các tranh chấp thương mại là hai năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm"*.

- Về xác định thời điểm phát sinh tranh chấp:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng:

Kèm theo đơn khởi kiện, để chứng minh cho yêu cầu của mình, Công ty A đã nộp cho Tòa án 02 bản xác nhận sửa chữa máy. Theo văn bản xác nhận của ông Nguyễn Di L và ông Hồ Đắc T (Bút lục 13, 14) thì ngày 07/5/2013, ông L và ông T có nhận sửa chữa máy đào cho Công ty A. Sau khi sửa máy xong, khoảng 15 giờ cùng ngày, lái máy Công ty A di chuyển máy từ mỏ đá ra đường Quốc lộ Y thì bị bảo vệ của Công ty M ngăn cản, giữ máy lại. Ông Phan Văn H1 và bà Trần Thị T chứng kiến sự việc. Ngoài ra, theo bản trình bày của ông Phan Văn H2 – lái máy của Công ty A thì sau khi sử dụng hết 100 lít dầu died, Công ty M không tạo điều kiện sắp xếp công việc cho ông H2, ông H2 báo cáo giám đốc Công ty A và được Giám đốc chỉ định lên đưa máy về, lúc đó Công ty M không cho đưa máy ra khỏi khu vực mỏ đá. Các giấy xác nhận của ông L, ông T và ông H2 nêu trên do Công ty A thừa nhận và cung cấp cho Tòa án. Như vậy, theo các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thì tại thời điểm ngày 07/5/2013, ông Phan Văn H1 – Giám đốc Công ty A đã biết quyền lợi của Công ty A bị xâm phạm nên ngày 07/5/2013 được xác định là thời điểm phát sinh tranh chấp giữa Công ty A và Công ty M. Kể từ ngày 07/5/2013 đến ngày 28/3/2016 – thời điểm Công ty A làm đơn khởi kiện đã hết thời hiệu khởi kiện. Kháng cáo của Công ty A cho rằng nguyên đơn vẫn còn thời hiệu khởi kiện là không có cơ sở.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp bổ sung cho Tòa án Bản đối chiếu và xác nhận công nợ giữa Công ty TNHH M và Công ty cổ phần A ngày 31/12/2014, đồng thời đề nghị Tòa án xác định thời điểm phát sinh tranh chấp là ngày 31/12/2014. Xem xét bản đối chiếu và xác nhận công nợ nêu trên, Hội đồng phúc thẩm thấy rằng: Việc đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 31/12/2014 là của một mối quan hệ pháp luật khác (quan hệ về hợp đồng mua bán tài sản), không liên quan đến quan hệ tranh chấp mà Tòa án đang xem xét. Mặt khác, cùng ngày Công ty M đã gửi cho Công ty A thông báo hủy bỏ bản đối chiếu và xác nhận công nợ trên. Như vậy nội dung đối trừ mà Công ty A ghi vào biên bản là ý chí đơn phương của Công ty A và không được Công ty M công nhận.

Ngoài ra, năm 2015, Công ty M khởi kiện Công ty A tại TAND thành phố Đ về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 13/5/2015, Công ty A không tiến hành thủ tục phản tố để yêu cầu Tòa án khấu trừ tiền cho thuê máy vào số tiền còn nợ M. Năm 2016, Công ty A đã bán máy đào xúc bánh xích nói trên cho Công ty M và hai bên cũng không có ý kiến gì.

[3] Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị cũng xác định thời điểm phát sinh tranh chấp là ngày 07/5/2013, đến ngày Công ty cổ phần A làm đơn khởi kiện 28/3/2016 thì thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết. Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để xác định thời hiệu khởi kiện là không chính xác nhưng không ảnh hưởng đến việc giải quyết về nội dung. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên về hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án là thiếu sót. Do đó đề nghị Hội đồng phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng điểm b khoản 5 Điều 314 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa một phần quyết định sơ thẩm để tuyên thêm phần hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án.

[4] Từ những phân tích ở trên, Hội đồng phúc thẩm thấy rằng: Nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm về căn cứ xác định thời hiệu khởi kiện (theo Điều 429 Bộ luật dân sự 2015) và thời điểm phát sinh tranh chấp (ngày 18/7/2012 – sau 05 ngày kể từ ngày giao nhận máy) là không chính xác và không áp dụng Luật thương mại để giải quyết là thiếu sót, nhưng không làm thay đổi nội dung vụ án do Công ty cổ phần A đã hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đình chỉ giải quyết vụ án nhưng lại không tuyên về hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án là thiếu sót. Do đó cần chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, sửa một phần Quyết định sơ thẩm, tuyên thêm phần hậu quả của việc đình chỉ cho đầy đủ.

Tuy kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận, nhưng do Hội đồng phúc thẩm sửa một phần Quyết định sơ thẩm nên nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 314 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty cổ phần A.

Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 319 Luật Thương mại năm 2005: Sửa một phần Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2017/QĐST-KDTM ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Quảng Trị về phần hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện.

Công ty cổ phần A không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án nếu việc khởi kiện sau không có gì khác với vụ án này về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

2. Về án phí: Công ty cổ phần A không phải chịu án phí KDTM sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần A số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 18.800.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2014/0001335 ngày 27/12/2016 và số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2014/0001466 ngày 19/10/2017 của Chi cục THADS huyện C, tỉnh Quảng Trị. Tổng cộng Công ty A được hoàn trả 20.800.000 đồng *(Hai mươi triệu tám trăm ngàn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Đinh Viết Nam